TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN BÀU BÀNG** **TỈNH BÌNH DƯƠNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 19/2017/HNGĐ-ST
Ngày: 01-9-2017
V/v tranh chấp về cấp dưỡng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÀU BÀNG, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên toà: Bà Huỳnh Kim Xuyến.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Dương Thành Công;

2. Bà Nguyễn Thị Kiều My.

- Thư ký phiên tòa: Ông Kiều Vĩnh Phong - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bàu Bàng, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bàu Bàng, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Công Tạo - Kiểm sát viên.

Ngày 01 tháng 9 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bàu Bàng, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 98/2017/TLST-HNGĐ ngày 11 tháng 4 năm 2017 về tranh chấp về cấp dưỡng theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 28/2017/QĐXXST-HNGĐ ngày 14 tháng 8 năm 2017 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị Tuyết N, sinh năm 1982; địa chỉ: đường M, khu phố N, phường M, Quận O, Thành phố Hồ Chí Minh; có mặt.

- *Bị đơn:* Anh Lê Bá T, sinh năm 1985; địa chỉ: ấp H, xã L, huyện B, tỉnh Bình Dương; có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại Đơn khởi kiện đề ngày 04 tháng 4 năm 2017, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn Nguyễn Thị Tuyết N trình bày:

Trước đây, chị N và anh Lê Bá T là vợ chồng, có 01 con chung tên Lê Thành C, sinh ngày 01 tháng 01 năm 2013.

Theo Quyết định công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự số 16/2015/QĐST-HNGĐ ngày 04 tháng 02 năm 2015 của Tòa án nhân dân huyện Bàu Bàng đã công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị N và anh T; chị N và anh T thỏa thuận giao cháu C cho chị N trực tiếp nuôi, chị N không yêu cầu anh T cấp dưỡng; chị N và anh T không tranh chấp về tài sản chung và nợ chung.

Hiện nay, cháu C đã hơn 04 tuổi, chi phí nuôi dưỡng cháu C ngày càng nhiều, mỗi tháng khoảng 3.600.000 đồng gồm tiền học là 2.100.000 đồng, tiền sữa là 1.000.000 đồng

và tiền ăn uống đi lại là 500.000 đồng. Nghề nghiệp của chị N là công nhân may, thu nhập mỗi tháng chỉ khoảng 4.300.000 đồng. Vì vậy, để đảm bảo việc chăm sóc, nuôi dưỡng cháu C nên chị N khởi kiện yêu cầu anh T thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng đối với cháu C.

Trong đơn khởi kiện ban đầu, chị N yêu cầu anh T thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng đối với cháu C, mức cấp dưỡng là 3.000.000 đồng, phương thức cấp dưỡng thực hiện định kỳ hàng tháng. Đến ngày 19 tháng 7 năm 2017 (Biên bản hòa giải ngày 19 tháng 7 năm 2017) cũng như tại phiên tòa, chị N yêu cầu anh T thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng đối với cháu C, mức cấp dưỡng là 1.500.000 đồng, phương thức cấp dưỡng thực hiện định kỳ hàng tháng cho đến khi cháu C đủ 18 tuổi, thời hạn cấp dưỡng tính từ ngày 15 tháng 8 năm 2017.

Tại Bản tự khai đề ngày 19 tháng 7 năm 2017 và trong quá trình xét xử, bị đơn Lê Bá T trình bày:

Quyết định công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự số 16/2015/QĐST-HNGĐ ngày 04 tháng 02 năm 2015 của Tòa án nhân dân huyện Bàu Bàng đã giải quyết các vấn đề về hôn nhân, nuôi con chung, tài sản chung và nợ chung giữa anh T và chị N như lời chị N trình bày.

Hiện nay, anh T là công nhân của Công ty Trách nhiệm hữu hạn Sunwood Vina, thu nhập mỗi tháng khoảng 3.500.000 đồng (theo Hợp đồng lao động số 00170 ngày 13 tháng 11 năm 2016); anh T không có thu nhập gì khác. Ngoài ra, anh T đã kết hôn với người khác và có 01 con khoảng 08 tháng tuổi; vợ anh T ở nhà trông nom, chăm sóc con, cả gia đình sống bằng thu nhập của anh T.

Tại phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải ngày 19 tháng 7 năm 2017, anh T và chị N đã thỏa thuận, anh T có nghĩa vụ cấp dưỡng đối với cháu C, mức cấp dưỡng là 1.500.000 đồng, phương thức cấp dưỡng thực hiện định kỳ hàng tháng cho đến khi cháu C đủ 18 tuổi, thời hạn cấp dưỡng tính từ ngày 15 tháng 8 năm 2017. Tại Đơn xin thay đổi ý kiến ngày 24 tháng 7 năm 2017, anh T thay đổi ý kiến, không đồng ý kết quả hòa giải ngày 19 tháng 7 năm 2017.

Nay, anh T không đồng ý mức cấp dưỡng theo yêu cầu của chị N; anh T yêu cầu Tòa án quyết định mức cấp dưỡng trên cơ sở thu nhập thực tế của anh T.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng và về việc giải quyết vụ án: quá trình giải quyết vụ án, việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh tụng, Tòa án nhân dân huyện Bàu Bàng nhận định:

[2] Theo Quyết định công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự số 16/2015/QĐST-HNGĐ ngày 04 tháng 02 năm 2015 của Tòa án nhân dân huyện Bàu Bàng (bút lục số 06) đã quyết định: công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị N và anh T; chị N và anh T thỏa thuận về con chung là giao cháu Lê Thành C, sinh ngày 01 tháng 01

năm 2013 cho chị N trực tiếp nuôi, chị N không yêu cầu anh T cấp dưỡng; chị N và anh T không tranh chấp về tài sản chung và nợ chung.

[3] Nay cháu C đã hơn 04 tuổi, để đảm bảo việc chăm sóc, nuôi dưỡng cháu C nên chị N có quyền khởi kiện yêu cầu anh T thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng đối với cháu C theo quy định tại khoản 1 Điều 119 của Luật Hôn nhân và gia đình. Theo đó, chị N yêu cầu anh T cấp dưỡng cho cháu C với mức cấp dưỡng là 1.500.000 đồng, phương thức cấp dưỡng thực hiện định kỳ hàng tháng cho đến khi cháu C đủ 18 tuổi, thời hạn cấp dưỡng tính từ ngày 15 tháng 8 năm 2017.

[4] Tại Biên bản hòa giải ngày 19 tháng 7 năm 2017 (bút lục số 27), anh T và chị N đã thỏa thuận, anh T có nghĩa vụ cấp dưỡng đối với cháu C, mức cấp dưỡng là 1.500.000 đồng, phương thức cấp dưỡng thực hiện định kỳ hàng tháng cho đến khi cháu C đủ 18 tuổi, thời hạn cấp dưỡng tính từ ngày 15 tháng 8 năm 2017. Tại Đơn xin thay đổi ý kiến ngày 24 tháng 7 năm 2017 (bút lục số 30), anh T thay đổi ý kiến, không đồng ý kết quả hòa giải ngày 19 tháng 7 năm 2017. Anh T không đồng ý mức cấp dưỡng theo yêu cầu của chị N và yêu cầu Tòa án quyết định mức cấp dưỡng trên cơ sở thu nhập thực tế của anh T.

[5] Xét thấy:

Theo quy định tại khoản 1 Điều 107 và Điều 110 của Luật Hôn nhân và gia đình, anh T có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con chưa thành niên là cháu C.

Về mức cấp dưỡng: theo Hợp đồng lao động số 00170 ngày 13 tháng 11 năm 2016 giữa Công ty Trách nhiệm hữu hạn Sunwood Vina và anh T do anh T cung cấp (bút lục số 31 đến 32), tổng thu nhập mỗi tháng của anh T là 3.993.000 đồng, gồm mức lương cơ bản và tổng phụ cấp. Hiện anh T đang phải nuôi con nhỏ khoảng 08 tháng tuổi; quá trình tố tụng, chị N không chứng minh được anh T có thu nhập nào khác. Mặt khác, theo quy định tại khoản 24 Điều 3 của Luật Hôn nhân và gia đình: "*Cấp dưỡng* là việc một người có nghĩa vụ đóng góp tiền hoặc tài sản khác để đáp ứng nhu cầu thiết yếu của người không sống chung với mình mà có quan hệ hôn nhân, huyết thống hoặc nuôi dưỡng trong trường hợp người đó là người chưa thành niên...". Như vậy, theo quy định tại khoản 1 Điều 116 của Luật Hôn nhân và gia đình, căn cứ thu nhập, khả năng thực tế của anh T và nhu cầu thiết yếu của cháu C, việc chị N yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi cháu C với mức cấp dưỡng là 1.500.000 đồng hàng tháng là cao.

Về phương thức cấp dưỡng thực hiện định kỳ hàng tháng, thời hạn cấp dưỡng tính từ ngày 15 tháng 8 năm 2017 cho đến khi cháu C đủ 18 tuổi, chị N và anh T thống nhất, phù hợp với quy định tại Điều 117 và khoản 1 Điều 118 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[6] Xét ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa về việc tuân theo pháp luật tố tụng là phù hợp; đối với ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa về việc giải quyết vụ án, Hội đồng xét xử căn cứ thu nhập, khả năng thực tế của anh T và nhu cầu thiết yếu của cháu C để quyết định mức cấp dưỡng thấp hơn yêu cầu của chị N là phù hợp.

[7] Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử quyết định chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của chị N, buộc anh T thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng đối với cháu C, mức cấp dưỡng là 1.000.000 đồng, phương thức cấp dưỡng thực hiện định kỳ hàng tháng cho đến khi cháu C đủ 18 tuổi, thời hạn cấp dưỡng tính từ ngày 15 tháng 8 năm 2017.

Khi có lý do chính đáng, mức cấp dưỡng có thể thay đổi. Việc thay đổi mức cấp dưỡng do các bên thỏa thuận; nếu không thỏa thuận được thì yêu cầu Tòa án giải quyết theo quy định tại khoản 2 Điều 116 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[8] Về án phí: anh T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại điểm c khoản 6 Điều 27, Tiểu mục 1.1, Mục 1, Phần II Danh mục Án phí, lệ phí Tòa án (ban hành kèm theo) của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 24 Điều 3, khoản 1 Điều 107, Điều 110, khoản 1 Điều 116, Điều 117, khoản 1 Điều 118 và khoản 1 Điều 119 của Luật Hôn nhân và gia đình; điểm c khoản 6 Điều 27, Tiểu mục 1.1, Mục 1, Phần II Danh mục Án phí, lệ phí Tòa án (ban hành kèm theo) của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Tuyết N về việc Tranh chấp về cấp dưỡng.

Buộc anh Lê Bá T thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng đối với cháu Lê Thành C, sinh ngày 01 tháng 01 năm 2013, mức cấp dưỡng là 1.000.000đ (một triệu đồng), phương thức cấp dưỡng thực hiện định kỳ hàng tháng cho đến khi cháu Lê Thành C đủ 18 tuổi, thời hạn cấp dưỡng tính từ ngày 15 tháng 8 năm 2017.

Khi có lý do chính đáng, mức cấp dưỡng có thể thay đổi. Việc thay đổi mức cấp dưỡng do các bên thỏa thuận; nếu không thỏa thuận được thì yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về án phí: Anh Lê Bá T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng).

3. Về nghĩa vụ thi hành án:

- Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

- Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

4. Về quyền kháng cáo: các đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bình Dương;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

- VKSND huyện Bàu Bàng;
- Chi cục Thi hành án DS huyện Bàu Bàng;
- Đương sự;
- Lưu: hồ sơ, VP.

Huỳnh Kim Xuyến